

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 460/2023/HC-PT

Ngày: 23/6/2023

*“Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 268/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 227/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6067/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Ngô Thị H, sinh năm 1960; Trú tại: Cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Xuân T1, sinh năm 1949; Trú tại: Cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 105 phố T2, thị trấn P, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thạc H1 – Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn M – Chủ tịch UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Anh Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Anh Nguyễn Quốc H3, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng trú tại: Cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Hộ gia đình ông Nguyễn Quốc C và vợ bà Ngô Thị H được giao đất nông nghiệp năm 1992 và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.620,9m² tại các thửa số 33, xứ đồng K6, diện tích 361,6m²; thửa số 78, xứ đồng N3 Chăn nuôi, diện tích 457,2m²; Thửa số 299, xứ đồng 18 cầu võ, diện tích 657,9m²; Thửa số 401, xứ đồng E8 Chăn nuôi, diện tích 144,2m². Thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, xã L, xã T3, xã L1, huyện Đ, ông Nguyễn Quốc C cùng vợ là bà Ngô Thị H thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp.

Dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, L, L1, T3, huyện Đ là dự án tạo nguồn vốn để thực hiện dự án BT tuyến đường bộ dọc trên cao đường vành đai II đoạn từ cầu V1 đến Ngã Tư S, đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 471/TTg-KTN ngày 29/3/2011 và Văn bản số 1156/TTg-KTN ngày 02/8/2013; được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý tại Thông báo số 540-TB/TU ngày 08/02/2017 và giao UBND Thành phố phê duyệt dự án. Ngày 24/6/2017, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 3832/QĐ-UBND về quyết định chủ trương đầu tư và giao Tập đoàn Vingroup - Công ty CP là chủ đầu tư thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, L, T3, L1, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

UBND Thành phố đã có Văn bản số 2408/UBND-ĐT ngày 31/5/2018 giao UBND huyện Đ là chủ đầu tư thực hiện công tác GPMB. Ngày 05/12/2017, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết số 19/NQ-HĐND về Thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2018; danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố năm 2018 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, trong đó: Dự án Khu chức năng đô thị Green City, Chủ đầu tư là Tập đoàn Vingroup - Công ty CP với diện tích 130 ha... (được tiếp tục cập nhật trong năm 2019 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; năm 2020 tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019) và đã được UBND Thành phố phê

duyet Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, 2019, 2020, UBND huyện Đ tiến hành các bước triển khai công tác GPMB thực hiện dự án theo quy định: Thành lập Hội đồng, Tổ công tác GPMB, xây dựng Kế hoạch GPMB của dự án, Thông báo thu hồi đất, tiến hành kiểm đếm, xây dựng phương án cụ thể:

Ngày 09/5/2019, UBND xã T xác nhận về việc sử dụng tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình, cùng số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Quốc C (H4), nội dung: tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng 1.620,9m², diện tích thu hồi tại dự án 1.620,9m²; trong đó diện tích đất nông nghiệp được giao 1.620,9m² chiếm 100% tổng diện tích đất nông nghiệp quỹ I được giao đang sử dụng; số hộ đang trực tiếp sinh sống tại địa chỉ gồm 01 hộ với 05 nhân khẩu.

Ngày 14/11/2019, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8539/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H địa chỉ Cụm 12, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, xã L, xã L1, xã T3, huyện Đ thu hồi diện tích 1.620,9m² đất nông nghiệp tại các thửa đất số 78, tờ bản đồ số 11, xứ đồng N3 Chăn nuôi; thửa đất số 401, tờ bản đồ số 24, xứ đồng E8 Chăn nuôi; thửa đất số 33, tờ bản đồ số 17, xứ đồng K6; thửa đất số 299, tờ bản đồ số 17, xứ đồng 18 cầu Vỡ;

Ngày 14/11/2019, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8557/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City đối với hộ ông Nguyễn Quốc C (H4). Phương án thể hiện cụ thể như sau:

- Bồi thường về đất nông nghiệp: Diện tích 1.620,9m² x 162.000 đồng/m² = 262.585.800 đồng;

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất thu hồi: Tài sản cây trồng trên đất bồi thường (lúa tẻ) 100% = 6.741.000 đồng;

- Các khoản hỗ trợ:

- + Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Diện tích 1.620,9m² x 162.000 đồng/m² x 5 lần = 1.312.929.000 đồng;

- + Hỗ trợ ổn định đời sống: 5 nhân khẩu x 456.000 đồng/tháng x 12 tháng = 27.360.000 đồng;

- + Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ 3.000đ/m², tối đa không quá 3.000.000 đồng/chủ sử dụng: 3.000.000 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận là 1.612.615.800 đồng.

Ngày 14/11/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 239/TB-PTQĐ gửi hộ ông Nguyễn Quốc C (H4) đề nghị đến nhận tiền ngày 15/11/2019

tại Hội trường UBND xã T (đến nay, ông Nguyễn Quốc C (H4) chưa nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án).

Người khởi kiện trình bày: Sau khi nhận được Thông báo số 1245/TB-UBND ngày 16/7/2018 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu chức năng đô thị xã T. Để lấy đất trả nợ cho chủ dự án đầu tư xây dựng đường trên cao vành đai 2 đoạn cầu V1 - Ngã Tư S thành phố Hà Nội. Bà đã có đơn khiếu nại việc thu hồi đất để thanh toán cho việc trả nợ trái với Nghị định 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019. Nhưng UBND huyện Đ không giải quyết khiếu nại mà chỉ cho Văn phòng đăng ký QSDĐ - Chi nhánh huyện Đ phối hợp với các ban ngành xã T tổ chức họp để tuyên truyền, vận động các hộ dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Khoảng tháng 12/2019, gia đình bà tiếp tục nhận đồng loạt Văn bản số 1461/UBND-PTQĐ ngày 14/10/2019 về việc trả lời đề nghị của một số hộ dân vẫn nội dung huyện Đ thực hiện với mục tiêu hoàn vốn cho dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai II đoạn cầu V1 đến Ngã Tư S theo hình thức hợp đồng bồi thường.

Đến ngày 15/5/2020, gia đình nhận được Văn bản số 565/UBND-TPQĐ ngày 14/4/2020 với nội dung UBND huyện Đ thực hiện với mục tiêu hoàn vốn dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao vành đai II đoạn cầu V1 đến Ngã Tư S. Từ đầu năm 2019 tới nay người dân khiếu nại, đề nghị rất nhiều lần nhưng UBND huyện Đ không ra bất kỳ một quyết định giải quyết khiếu nại nào mà chỉ cho Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã mời họp và phân tích, giải thích không có cơ sở pháp luật.

Ngày 09/6/2020, gia đình bà đã gửi đơn khiếu nại về việc UBND huyện Đ thực hiện thu hồi đất để trả nợ cho nhà đầu tư xây dựng tuyến đường bộ trên cao vành đai II đoạn cầu V1 đến Ngã Tư S là trái quy định của Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính Phủ và yêu cầu UBND huyện Đ phải dừng việc thu hồi đất của gia đình để trả nợ cho nhà đầu tư xây dựng tuyến đường bộ trên cao vành đai II đoạn cầu V1 đến Ngã Tư S.

Ngày 20/8/2020, gia đình tôi đã trình văn bản giải trình và đối thoại tại buổi tiếp dân của Chủ tịch UBND huyện Đ. Đến nay vẫn không được giải quyết.

Gia đình bà cho rằng căn cứ quy định tại Điều 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 đến 38 Luật Đất đai năm 2003 thì người sử dụng đất phải vi phạm các khoản trên mới bị thu hồi đất. Tại Luật Đất đai năm 2013 quy định chỉ được thu hồi đất theo quy định các Điều 61, 62, 63, 64, 65 mà không có quy định Nhà nước được thu hồi đất dân đang sử dụng để trả nợ cho nhà đầu tư xây dựng công trình gọi là thanh toán cho nhà đầu tư theo hợp đồng bồi thường. Tại Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định đất và tài sản trên đất Nhà nước được thu hồi để thanh toán cho nhà đầu tư gọi là hợp đồng bồi thường phải là đất và tài sản trên đất quản lý công của tổ chức xã hội sự nghiệp do Nhà nước quản lý và sử dụng.

Ngày 11/11/2020, bà Ngô Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ các văn bản hành chính, quyết định hành chính về việc thu hồi đất ruộng cấy 2 vụ lúa của gia đình để hoàn vốn thanh toán nợ cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trên cao vành đai II đoạn cầu V1 đến Ngã Tư S.

Người bị kiện UBND huyện Đ trình bày: Khi thực hiện công tác GPMB đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quốc C (H4). Tổ công tác, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện, UBND xã T đã tiến hành các bước theo quy định tại các Điều 34, 35, 36, 37 của Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; ban hành Thông báo thu hồi đất (Thông báo số 1249/TB-UBND ngày 16/7/2018), tiến hành họp thông báo công khai cơ sở pháp lý, chính sách GPMB (ngày 12/9/2018), tiến hành điều tra kiểm đếm (theo biên bản ngày 26/12/2018), xác nhận nguồn gốc đất, tài sản, nhân khẩu (giấy xác nhận của UBND xã ngày 09/5/2019), lập dự thảo phương án, niêm yết, lấy ý kiến dự thảo (Biên bản niêm yết công khai ngày 28/5/2019, kết thúc niêm yết công khai ngày 18/6/2019), hoàn chỉnh, thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt phương án, Quyết định thu hồi đất; công khai, giao quyết định phê duyệt phương án, phương án chi tiết, Thông báo chi trả tiền tới hộ ông Nguyễn Quốc C (H4).

UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C cùng vợ là bà Ngô Thị H và Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Quốc C (H4) là đúng quy định. Việc bà Ngô Thị H (Cường) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà và Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City là không có cơ sở.

UBND huyện Đ thực hiện ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ GPMB đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C cùng vợ là bà Ngô Thị H và Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Quốc C (H4).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Nhất trí với các nội dung trình bày của UBND huyện Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên hộ gia đình bà Ngô Thị H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 227/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 2013; Luật Đầu tư năm 2014; Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức xây dựng – chuyển giao; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu hủy 02 quyết định gồm: Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H địa chỉ cụm 12, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội; Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City đối với hộ ông Nguyễn Quốc C (H4) và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp kèm theo Quyết định 8557.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Ngô Thị H đề nghị Tòa án hủy 02 quyết định hành chính gồm: Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H địa chỉ cụm 12, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội; Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City đối với hộ ông Nguyễn Quốc C (H4). Quyết định số 8539/QĐ-UBND và Quyết định số 8557/QĐ-UBND là các quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai được xác định là quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị H trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, ông Nguyễn Quốc C, anh Nguyễn Quốc H2 và chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc H3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1]. Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất của ông Ngô Quốc Cường và bà Ngô Thị H được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai 2013.

Xét về nội dung: Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H địa chỉ cụm 12, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội. Theo người khởi kiện thì Nghị định 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định đất và tài sản trên đất Nhà nước được thu hồi để thanh toán cho nhà đầu tư gọi là hợp đồng bồi thường phải là tài sản trên đất quản lý công, của tổ chức xã hội sự nghiệp do Nhà nước quản lý và sử dụng. Trên thực tế, Nghị định 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao có hiệu lực từ ngày 01/10/2019. UBND huyện Đ thực hiện các thủ tục thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội trước khi Nghị định 69 nêu trên chưa được ban hành. Do đó, Nghị định 69/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính Phủ không được áp dụng như nội dung đơn khởi kiện. Văn bản pháp luật áp dụng trong trường hợp này gồm: Luật Đất đai năm 2013; Luật Đầu tư năm 2014; Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức xây dựng – chuyển giao.

Khoản 5 Điều 3 Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư quy định: *“Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là hợp đồng BT) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện Dự án khác theo các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 43 Nghị định này.”*

Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định sử dụng quỹ đất để thanh toán Dự án BT:

“1. Đối với quỹ đất chưa giải phóng mặt bằng:

Trên cơ sở vị trí, diện tích quỹ đất thanh toán được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến thanh toán, căn cứ đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký Hợp đồng BT và đề nghị của Nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cam kết với Nhà đầu tư về việc sử dụng quỹ đất để thanh toán Dự án BT; đồng thời giao các cơ quan chức năng của địa phương và Nhà đầu tư thực hiện:

a) Lập quy hoạch chi tiết 1/500 trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được phê duyệt.

Trên cơ sở kết quả thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất cho Nhà đầu tư. Việc xác định giá trị quỹ đất thanh toán, việc thanh toán Dự án BT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.”

Nhận thấy, ngày 23/6/2016, Sở Giao thông Vận tải Hà Nội và Tập đoàn Vingroup ký Hợp đồng BT số 01/2016/HĐBT về việc thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường bộ dọc trên cao đường vành đai II đoạn từ cầu V1 đến Ngã Tư S. Thực hiện Hợp đồng BT nêu trên, Tập đoàn Vingroup là nhà đầu tư xây dựng tuyến đường bộ dọc trên cao đường vành đai II đoạn từ cầu V1 đến Ngã Tư S và đã chuyển giao công trình cho Sở Giao thông Vận tải Hà Nội. Tập đoàn Vingroup được UBND Thành phố Hà Nội thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện Dự án khác. Dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, L, L1, T3, huyện Đ là dự án tạo nguồn vốn để thực hiện dự án BT tuyến đường bộ dọc trên cao đường vành đai II đoạn từ Cầu V1 đến Ngã Tư S. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 471/TTg-KTN ngày 29/3/2011 và Văn bản số 1156/TTg - KTN ngày 02/8/2013. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội ban hành Thông báo số 540-TB/TU ngày 08/02/2017 đồng ý và giao UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2017, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 3832/QĐ-UBND về quyết định chủ trương đầu tư và giao Tập đoàn Vingroup - Công ty CP là chủ đầu tư thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City tại các xã T, L, T3, L1, huyện Đ. UBND Thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 2408/UBND-ĐT ngày 31/5/2018 giao UBND huyện Đ là chủ đầu tư thực hiện công tác GPMB. Như vậy, Dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án.

Về nguồn gốc đất: Tổng diện tích 1.620,9m² đất gồm: Diện tích 457,2m² đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063 tại thửa số 78, tờ bản đồ 11, xứ đồng N3 Chăn nuôi đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 352877 ngày 19/9/2011 cho chủ sử dụng đất ông Nguyễn Quốc C cùng vợ là bà Ngô Thị H; Diện tích 657,9m² đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063 tại thửa số 299, tờ bản đồ số 17, xứ đồng 18 cầu võ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 352878 ngày 19/9/2011 cho chủ sử dụng đất ông Nguyễn Quốc C cùng vợ là bà Ngô Thị H; Diện tích 144,2m² tại thửa số 401, xứ đồng E8 Chăn nuôi là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP chưa

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Quá trình sử dụng đất: Hộ gia đình bà H đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp. Do đó, UBND huyện Đ xác định diện tích 1.620,9m² đất của gia đình bà H là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP phù hợp với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà H và có căn cứ với các quy định của Luật Đất đai 2013.

Từ đó Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thu hồi 1.620,9m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Quốc C và bà Ngô Thị H địa chỉ cụm 12, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City, thành phố Hà Nội được ban hành đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 8557/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Green City đối với hộ ông Nguyễn Quốc C (H4) và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp kèm theo Quyết định 8557, thấy:

Quyết định số 8539/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND huyện Đ được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung: Diện tích 1.620,9m² đất của gia đình bà H bị thu hồi xác định là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP. UBND huyện Đ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà H với giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản: UBND huyện Đ xác định tài sản trên đất là lúa tẻ và tính mức bồi thường bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch phù hợp với thực tế sử dụng đất và có căn cứ theo quy định Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

Các khoản hỗ trợ: UBND huyện Đ đã phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cho gia đình bà H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 17 tháng cho 04 nhân khẩu là đảm bảo theo đúng quy định Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. UBND huyện Đ có tính thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ (không quá 3 triệu/chủ đất) là đã đảm bảo quyền lợi của người dân theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà H không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H .

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra bà Ngô Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên xét bà H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà H.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Ngô Thị H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 227/2022/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

Hoàng Thị Bích Hải

Vũ Thị Thu Hà